TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ – ST
Ngày 13 - 8 - 2020
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và bà Phạm Thị Minh

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Bị đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2020 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông và Phạm Thị Đ kết hôn với nhau vào tháng 04/1986, sau khi kết hôn hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới bà Đào về nhà ông làm dâu và chung sống cùng gia đình ông ngay, vợ chồng ở chung cùng bố mẹ đẻ ông khoảng 02 năm thì bố mẹ ông cho vợ chồng ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2003 do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông đã đi vào Miền Nam làm ăn. Khoảng năm 2006 bà Đào đã làm đơn xin ly hôn ông tại Tòa án nhân dân

huyện Yên Lạc và được Tòa án thụ lý giải quyết, quá trình giải quyết vụ án ông xin được đoàn tụ nên bà Đào đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng về cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm không còn ông xin được ly hôn bà Phạm Thị Đ.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có hai con chung là Trần Thị Bsinh ngày 10/02/1991 và Trần Thị N, sinh ngày 25/12/1993. Hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ly hôn ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án ông đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2 tại Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Được UBND huyện Vĩnh Lạc (cũ) nay là UBND huyện Yên Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B185273 ngày 15/6/1992 đứng tên ông là Trần Văn C hiện nay bà Đào đang sử dụng.

Tại phiên tòa ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản là thửa đất nói trên.

Bị đơn bà Phạm Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Chức về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống, con chung là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phần lớn là do bà bị bệnh, điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Nay ông Chức làm đơn xin ly hôn, bà cũng xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm đến nhau nhưng bà xin được đoàn tụ vì cả hai ông, bà đã có tuổi đều bệnh tật, sống phụ thuộc vào các con.

Về con chung: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Chức là vợ chồng bà có hai con chung là Trần Thị Bsinh ngày 10/02/1991 và Trần Thị N, sinh ngày 25/12/1993. Hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nếu ly hôn bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Bà thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2 tại Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Được UBND huyện Vĩnh Lạc (cũ) nay là UBND huyện Yên Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 185273 ngày 15/6/1992 đứng tên ông Trần Văn C hiện nay bà đang ở. Tại phiên tòa ông Chức rút một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất nói trên, bà hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Ông Trần Văn C được ly hôn bà Phạm Thị Đ

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về về chia tài sản là Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2 tại Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Được UBND huyện Vĩnh Lạc (cũ) nay là UBND huyện Yên Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B185273 ngày 15/6/1992 đứng tên ông Trần Văn C.

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn bà Phạm Thị Đ do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn bà Phạm Thị Đ, hiện đang cư trú tại Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc không đề nghị chia tài sản của vợ chồng là Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2 tại Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Được UBND huyện Vĩnh Lạc (cũ) nay là UBND huyện Yên Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 185273 ngày 15/6/1992 đứng tên ông Trần Văn C, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, hợp pháp nên được chấp nhận.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Đ đều thừa nhận vợ ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà thể hiện ông Chức, bà Đào

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà tháng 4 năm 1986, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Chức, bà Đào là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, mặt khác do không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày nên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn lớn nhất từ năm 2008 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà ông Chức đều khẳng định tình cảm vợ chồng với bà Đào không còn, việc đoàn tụ là không thể, ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đào. Bà Đào thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay không ai quan tâm đến ai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà xin được đoàn tụ vì hiện nay cả hai ông bà đang bị bệnh tật nên bà không đồng ý ly hôn. Xét, cuộc sống chung giữa ông Chức và bà Đào không thể tiếp tục vì ông, bà xảy ra mâu thuẫn đã lâu, hiện tại đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, điều đó chứng tỏ ông, bà không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Chức và bà Đào là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Chức.

[3] Về nuôi con chung: Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Đ xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Bsinh ngày 10/02/1991 và Trần Thị N, sinh ngày 25/12/1993. Hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ly hôn ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn xin rút yêu cầu, bị đơn nhất trí không có ý kiến gì nên Tòa án sẽ đình chỉ giải quyết về tài sản. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5]Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí về chia tài sản cho ông Chức.

[6] Về chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn C tự nguyện nộp và không có yêu cầu gì , nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Ông Trần Văn C được ly hôn bà Phạm Thị Đ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về chia tài sản là Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 380m^2 tại Thôn A, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Được UBND huyện Vĩnh Lạc (cũ) nay là UBND huyện Yên Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B185273 ngày 15/6/1992 đứng tên ông Trần Văn C.

Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho ông Chức 3.300.000đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2017/0005656 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án/.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Trung Hà;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân **Tẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Tiến **Trương Thị Hương Nghĩa** **Trần Thị Lan**

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Lan

iều 34. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức

1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mục 2. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN CÁC CẤP

Điều 35. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện

1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:

a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;

b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;

c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này;

b) Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này;

c) Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này;

d) Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này.

3. Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đức Tiến	Lê Thị Bích Thuần	Trần Thị Lan